

Số: /SYT-NVY

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2025

V/v hướng dẫn chuyển người bệnh  
giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

- Bệnh viện công lập và ngoài công lập;
- Trung tâm Y tế quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- Phòng Y tế quận, huyện, Thành phố Thủ Đức.

Ngày 01 tháng 01 năm 2025 Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 01/2025/TT-BYT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2025/TT-BYT). Tại điểm b khoản 2 Điều 9 quy định chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu trong trường hợp vượt quá khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản tại tỉnh.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 Sở Y tế đã ban hành Công văn số 621/SYT-NVY về việc báo cáo số liệu chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó các bệnh viện cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu đã tổng hợp và báo cáo mô hình bệnh tật của các trường hợp khám chữa bệnh bảo hiểm y tế chuyển viện đến trong giai đoạn từ năm 2022 – 2024 và thống nhất với Bảo hiểm xã hội Thành phố

Căn cứ mô hình bệnh tật chuyển viện đến các bệnh viện cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu trong thời gian qua, tình hình thực tiễn hệ thống cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn Thành phố, và sự thống nhất của Bảo hiểm xã hội Thành phố tại Công văn số 188/BHXH-GĐ2 ngày 18/02/2025, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, giảm thiểu các thủ tục hành chính, Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội Thành phố thống nhất triển khai danh sách các bệnh lý, nhóm bệnh lý được chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu (*phụ lục đính kèm*). Các cơ sở y tế căn cứ danh sách bệnh lý, nhóm bệnh lý thực hiện chuyển người bệnh khám chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

Đối với các trường hợp còn lại, các đơn vị thực hiện đúng các quy định về chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo đúng trình tự quy định tại Điều 9 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

Sở Y tế đề nghị Phòng Y tế quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai các nội dung đến các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý để biết và thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị báo cáo về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ Y – ĐT: 0283.930.9981) để được hướng dẫn.

*(Đính kèm: Danh mục một số bệnh được chuyển từ cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu đến cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)./.*

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bảo hiểm xã hội Thành phố (để p/hợp);
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY (PTLD).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Anh Dũng**

**DANH MỤC MỘT SỐ BỆNH ĐƯỢC CHUYỂN TỪ CẤP KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BAN ĐẦU ĐẾN CẤP KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHUYÊN SÂU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-NVY ngày tháng 3 năm 2025 của Sở Y tế)

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp	Mã ICD	Tình trạng, điều kiện
1	Bệnh lao	Từ A15 đến A19	Ngoại trừ giai đoạn ổn định
2	Bệnh nhiễm khuẩn do động vật truyền sang người	Từ A20 đến A28	
3	Bệnh uốn ván	A33, A34, A35	
4	Nhiễm vi rút ở hệ thần kinh trung ương	Từ A80 đến A89	
5	Nhiễm vi rút có đặc điểm tổn thương tại da và niêm mạc	Từ B00 đến B09	Chỉ áp dụng các trường hợp có biến chứng
6	Bệnh do nhiễm vi rút suy giảm miễn dịch ở người [HIV]	Từ B20 đến B24	Ngoại trừ giai đoạn ổn định hoặc chăm sóc giảm nhẹ giai đoạn cuối
7	Các bệnh nhiễm vi rút khác	Từ B25 đến B34	Đối với mã B26 và B34: chỉ áp dụng các trường hợp có biến chứng
8	U ác tính	Từ C00 đến C97	
9	U tân sinh tại chỗ	Từ D00 đến D09	
10	U tân sinh không chắc chắn hoặc không biết tính chất	Từ D37 đến D48	
11	Bệnh máu, cơ quan tạo máu và các bệnh lý liên quan đến cơ chế miễn dịch	Từ D50 đến D89 (ngoại trừ từ D50 đến D53)	
12	Rối loạn tâm thần và hành vi	Từ F00 đến F99	Ngoại trừ trường hợp ổn định
13	Hội chứng thiếu iod bẩm sinh	E00	
14	Bệnh đái tháo đường có đa biến chứng (E10.7: Bệnh đái tháo đường type 1: có đa biến chứng, E11.7: Bệnh đái tháo đường type 2 đa biến chứng)	E10.7, E11.7	
15	Di chứng của suy dinh dưỡng và bệnh thiếu dinh dưỡng khác	E64	

16	Rối loạn chuyển hóa	Từ E70 đến E90	
17	Bệnh hắc mạc và võng mạc	Từ H30 đến H36	
18	Bệnh glôcom	Từ H40 đến H42	
19	Cholesteatoma của tai giữa	H71	
20	Các bệnh phổi do nguyên nhân ngoại sinh	Từ J60 đến J71	
21	Xơ cứng bì toàn thể	M34	
28	Sảy thai, phá thai	Từ O00 đến O08	chỉ áp dụng trong trường hợp có biến chứng hoặc vượt quá phạm vi chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu
29	Phù, protein niệu và tăng huyết áp trong khi có thai, khi đẻ và sau đẻ	Từ O10 đến O16	
30	Các bệnh lý khác của bà mẹ chủ yếu liên quan đến thai kỳ	Từ O20 đến O29	
31	Chăm sóc bà mẹ liên quan đến thai, buồng ối và các vấn đề có thể gặp khi đẻ	Từ O30 đến O48	
32	Biến chứng của chuyển dạ và đẻ	Từ O60 đến O75	
33	Biến chứng thường gặp liên quan đến sau đẻ	Từ O85 đến O92	
34	Các tình trạng sản khoa khác, không phân loại nơi khác	Từ O94 đến O99	
35	Dị tật bẩm sinh, biến dạng và bất thường về nhiễm sắc thể	Từ Q00 đến Q99 (trừ các mã Q04, Q06, từ Q20 đến Q28, Q65)	

### Ghi chú:

1. Các mã bệnh có 03 ký tự trong Phụ lục này bao gồm tất cả các mã bệnh chi tiết có 04 ký tự. Ví dụ: Mã A15 bao gồm các mã A15.0, A15.1, A15.2, A15.3, A15.4, A15.5, A15.6, A15.7, A15.8, A15.9
2. Trường hợp có mã bệnh chi tiết đến 04 ký tự, khi xác định mã bệnh phải ghi rõ mã chi tiết 04 ký tự.
3. Lưu ý: đối với các bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp đã được quy định tại Phụ lục I Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025: thực hiện theo quy định Điều 5 Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025.